**NỘI DUNG ÔN TẬP THI LẠI – MÔN SỬ - KHỐI 10**

**NĂM HỌC 2020 – 2021**

**Bài 17:**

**II. PHÁT TRIỂN VÀ HOÀN CHỈNH NHÀ NƯỚC PHONG KIẾN Ở CÁC THẾ KỈ XI – XV**

**1. Tổ chức bộ máy nhà nước**

- Năm 1010, Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) vềThăng Long (Hà Nội) 🡪 Mở ra giai đoạn phát triển mới của đất nước.

- Năm 1054,vua Lý Thánh Tông đặt tên nước là Đại Việt.

- Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XV, trải qua các triều đại: Lý, Trần, Hồ và Lê sơ, chính quyền trung ương được tổ chức ngày càng chặt chẽ.

**\* Thời Lý, Trần, Hồ**

- Chính quyền Trung ương: đứng đầu nhà nước vẫn là vua, có quyền quyết định mọi việc. Giúp vua trong công tác trị nước có quan Tể tướng và một số Đại thần. Bên dưới là các cơ quan Trung ương như: sảnh, viện, đài.

- Chính quyền địa phương: cả nước được chia thành nhiều lộ, trấn. Dưới lộ, trấn là phủ, huyện, châu và xã.

**\* Thời Lê**

- Năm 1428, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi, Lê Lợi lên ngôi hoàng đế, lập ra nhà Lê (Lê sơ).

- Trong những năm 60 của thế kỉ XV, vua Lê Thánh Tông đã tiến hành một cuộc cải cách hành chính lớn.

+ Chính quyền Trung ương: chức Tể tướng và Đại hành khiển bị bãi bỏ, vua trực tiếp quyết định mọi việc. Bên dưới làsáu bộ cùng với các cơ quan giúp việc chuyên môn như: Ngự sử đài, Hàn lâm viện được duy trì.

+ Chính quyền ở địa phương: cả nước được chia thành13 đạo Thừa tuyên. Mỗi đạo có ba ti (Đô ti, Thừa ti và Hiến ti) trông coi các mặt quân sự, dân sự và an ninh. Bên dưới là phủ, huyện, châu, xã.

🡪 Dưới thời Lê, bộ máy nhà nước quân chủ chuyên chế đạt tới mức độ cao và hoàn chỉnh.

**2. Luật pháp và quân đội**

**a. Luật pháp**

- Năm 1042, vua Lý Thái Tông ban hànhbộ Hình thư – đây được xem như là bộ luật thành văn đầu tiên ở nước ta.

- Thời Trần, xuất hiện bộHình luật.

- Thời Lê sơ đã biên soạn một bộ luật đầy đủ với tên gọi làQuốc triều Hình luật (luật Hồng Đức).

**b. Quân đội**

Được tổ chức quy cũ, gồm:

- Cấm quân (bảo vệ nhà vua và kinh thành) và quân chính quy bảo vệ đất nước.

- Ngoại binh được tuyển chọn theo hình thức “ngụ binh ư nông”.

**Bài 25:**

**1. Xây dựng và củng cố bộ máy nhà nước, chính sách ngoại giao triều Nguyễn nửa đầu TK XIX.**

\*Xây dựng và củng cố bộ máy nhà nước:

- Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi vua, hiệu Gia Long, đóng đô Phú Xuân. Năm 1804, đổi tên nước là Việt Nam rồi đổi thành Đại Nam.

- Chính quyền trung ương được tổ chức theo mô hình thời Lê, tăng cường quyền lực hoàng đế.

- Thời Gia Long chia nước thành 3 vùng: Bắc thành, Gia Định thành và các Trực doanh do triều đình cai quản. Mỗi thành có 1 tổng trấn trông coi.

- Năm 1831-1832, vua Minh Mạng thực hiện cải cách hành chính lớn: chia nước thành 30 tỉnh và 1 phủ Thừa Thiên. Mỗi tỉnh có Tổng đốc, tuần phủ cùng 2 ti, hoạt động theo sự điều hành của triều đình. Các phủ, huyện, châu, xã vẫn giữ như cũ.

- Quan lại: tuyển chọn chủ yếu qua thi cử.

- Ban hành Bộ Hoàng Việt luật lệ (Luật Gia Long), quy định chặt chẽ việc bảo vệ nhà nước và tôn ti trật tự phong kiến.

- Quân đội tổ chức quy cũ, trang bị vũ khí đầy đủ hiện đại.

\*Chính sách ngoại giao:

- Với nhà Thanh: chịu phục tùng.

- Với Lào, Chân Lạp: bắt thần phục.

- Với phương Tây: chủ trương “đóng cửa”, không chấp nhận đặt quan hệ.

**Bài 29:**

**2. Cách mạng tư sản Anh**

\* Tình hình nước Anh trước cách mạng:

- Kinh tế: đầu thế kỉ XVII, kinh tế nước Anh phát triển nhất Châu Âu.

+ Công nghiệp: sản xuất công trường thủ công chiếm ưu thế.

+ Thương nghiệp phát triển mạnh, chủ yếu là buôn bán len dạ và nô lệ da đen.

+ Nông nghiệp: địa chủ, quý tộc kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa.

- Xã hội: tư sản, quý tộc giàu lên nhanh chóng. Xuất hiện tầng lớp quý tộc mới.

- Chính trị: chế độ phong kiến với chỗ dựa là tầng lớp quý tộc và Giáo hội Anh duy trì nhiều đặc quyền phong kiến, hạn chế kinh tế tư bản chủ nghĩa, làm cho đời sống nhân dân cơ cực. Đây là nguyên nhân dẫn đến chiến tranh.

\* Tính chất và ý nghĩa:

- Tính chất: là cuộc cách mạng tư sản diễn ra dưới hình thức nội chiến.

- Ý nghĩa:

+ Lật đổ chế độ phong kiến, mở đường cho chủ nghĩa tư bản Anh phát triển mạnh mẽ.

+ Là cuộc cách mạng tư sản có ý nghĩa trọng đại: Mở đầu thời kỳ quá độ từ chế độ phong kiến sang chế độ tư bản.

**Bài 30:**

**1.Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Bắc Mỹ. Nguyên nhân bùng nổ chiến tranh.**

a. Tình hình Bắc Mĩ trước chiến tranh:

- Nửa đầu thế kỉ XVIII, Anh đã lập được 13 bang thuộc địa dọc bờ biển Đại Tây Dương.

- Giữa thế kỉ XVIII, nền công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa ở đây phát triển mạnh.

- Một thị trường thống nhất hình thành, Tiếng Anh trở thành ngôn ngữ chính.

b. Nguyên nhân chiến tranh:

- Kinh tế phát triển, Bắc Mĩ trở thành nơi cạnh tranh gay gắt với nước Anh.

- Chính phủ Anh kìm hãm, ban hành chế độ thuế khóa nặng nề và nhiều chính sách làm tổn hại quyền lợi 13 thuộc địa, gây nên sự phản ứng mạnh mẽ của mọi tấng lớp nhân dân.

**3. Kết quả và ý nghĩa của chiến tranh giành độc độc lập:**

\* Kết quả:

- 1783, Hòa ước Véc-xai được kí kết, Anh công nhận nền độc lập của 13 thuộc địa.

- 1787, Hiến pháp Mĩ được thông qua, củng cố vị trí của nhà nước mới.

- 1789, Oa-sinh-tơn được bầu làm Tổng thống đầu tiên của nước Mĩ.

\* Tính chất và ý nghĩa

- Là cuộc cách mạng tư sản dưới hình thức đấu tranh giành độc lập.

- Giải phóng Bắc Mĩ khỏi sự thống trị của thực dân Anh thành lập nhà nước mới, mở đường cho kinh tế tư bản phát triển ở Bắc Mĩ.

- Góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng chống phong kiến ở châu Âu và phong trào đấu tranh giành độc lập ở Mĩ Latinh cuối thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ XIX.

**Bài 32:**

**3. Hệ quả của cuộc cách mạng công nghiệp**

- Kinh tế:

+ Nâng cao năng suất lao động, làm ra khối lượng sản phẩm lớn trong xã hội.

+ Thay đổi bộ mặt các nước tư bản, nhiều trung tâm công nghiệp mới và thành thị đông dân xuất hiện.

+ Thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển, đặc biệt là nông nghiệp và giao thông vận tải.

- Xã hội:

+ Hình thành hai giai cấp cơ bản trong xã hội tư bản: tư sản công nghiệp và vô sản công nghiệp.

+ Sự tăng cường bóc lột công nhân của giai cấp tư sản dẫn đến cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản không ngừng tăng lên.